

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **356/2022/KDTM-PT**
Ngày: 04/7/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Trương Thị Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLPT-KDTM ngày 15/4/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q** (tên cũ Ngân hàng TMCP N) kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2012/2022/QĐXX-PT ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q** (tên cũ Ngân hàng TMCP N)

Trụ sở: 28C-28D phố B, phường H, quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tổng Long H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 175 K, Phường A, Quận B, Thành phố H (có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Xây dựng S

Địa chỉ: 219/26 T, phường C, Quận A, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng O, sinh năm 1980, địa chỉ: 243/3 N, phường M, Thành phố T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 06/04/2022) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 14 Hợp đồng tín dụng và 02 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 002/11/HĐTD/101-73 ký ngày 25/01/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 002/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

2. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 015/11/HĐTD/101-73 ký ngày 15/4/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 015/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

3. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 016/11/HĐTD/101-73 ký ngày 15/4/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 016/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

4. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 045/11/HĐTD/101-73 ký ngày 30/5/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 045/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

5. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 053/11/HĐTD/101-73 ký ngày 12/7/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 053/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

6. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 054/11/HĐTD/101-73 ký ngày 14/7/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 054/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

7. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 059/11/HĐTD/101-73 ký ngày 03/8/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 059/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

8. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 060/11/HĐTD/101-73 ký ngày 03/8/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 060/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 03/8/2012;

9. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 068/11/HĐTD/101-73 ký ngày 04/8/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 068/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

10. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 072/11/HĐTD/101-73 ký ngày 04/8/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 072/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

11. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 073/11/HĐTD/101-73 ký ngày 05/8/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 073/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

12. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 086/11/HĐTD/101-73 ký ngày 15/9/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 086/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

13. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 098/11/HĐTD/101-73 ký ngày 16/11/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 098/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

14. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số: 099/11/HĐTD/101-73 ký ngày 16/11/2011 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 099/11/HĐTD/101-73/PL-01 ngày 27/3/2012;

15. Ngày 06/12/2010, Công ty cổ phần Xây dựng S có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Nam Việt yêu cầu phát hành thẻ NaviCard – Credit theo Hợp đồng sử dụng thẻ NaviCard – Credit số 25HĐ/HĐSDT;

16. Ngày 06/12/2010, Công ty cổ phần Xây dựng S có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Nam Việt yêu cầu phát hành thẻ NaviCard – Credit theo Hợp đồng sử dụng thẻ NaviCard – Credit số 26HĐ/HĐSDT;

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nói trên, các bên đã ký kết thể chấp 19 loại tài sản theo các Hợp đồng thế chấp tài sản và Hợp đồng thế chấp tài sản của người thứ ba, bao gồm:

- Tài sản 1 (13 Quyền sử dụng đất): Quyền sử dụng các thửa đất 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413 tờ bản đồ số 143 và thửa 529 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Bến Phú Định, Phường 16, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh đứng tên Công ty cổ phần Xây dựng S.

- Tài sản 2: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 945/31/69 Quốc lộ 1A, KP1, phường An Lạc, quận Bình Tân đứng tên Công ty cổ phần Xây dựng S.

- Tài sản 3: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 945/31/80 Quốc lộ 1A, KP1, phường An Lạc, quận Bình Tân đứng tên bà Trần Thị Lệ Hằng.

- Tài sản 4: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 338/18 (330/30) Thoại Ngọc Hầu, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh đứng tên Công ty cổ phần Xây dựng S.

- Tài sản 5: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 219/26 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1 đứng tên **Công ty cổ phần Xây dựng S.**

- Tài sản 6: Quyền sử dụng đất Thửa 419 (phân chiết từ thửa 81), TĐĐ 66, phường An Lạc, quận Bình Tân đứng tên Ông Nguyễn Xuân Bắc bà Lê Thị Gái.

- Tài sản 7: Quyền sử dụng đất Thửa 419 (phân chiết từ thửa 403), TĐĐ 66, phường An Lạc, quận Bình Tân đứng tên Công ty cổ phần Xây dựng S.

Thực hiện các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn

thanh toán nợ gốc và tiền lãi; trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ và bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán dứt các khoản nợ. Tạm tính đến ngày 03/6/2019, bị đơn còn nợ tổng số tiền 102.607.648.104 đồng, bao gồm nợ gốc còn lại là 37.982.000.000 đồng (nợ gốc giải ngân của 14 Hợp đồng tín dụng là 38.056.00.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được 74.000.000 đồng); nợ lãi: 44.118.288.432 đồng; nợ lãi quá hạn: 18.295.808.728 đồng; phạt chậm trả: 2.211.550.545 đồng.

Ngày 18/9/2019, giữa nguyên đơn, bị đơn và Công ty TNHH MTV Địa ốc S (sau đây gọi tắt là Công ty N) cùng ký Văn bản thỏa thuận về việc “Nộp tiền, giải chấp tài sản bảo đảm khoản vay của Công ty cổ phần Xây dựng S”, thỏa thuận để Công ty N thanh toán nợ thay cho bị đơn số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) theo Thông báo số 322/2019/TB-NCB ngày 27/8/2019 về việc xử lý nợ vay và giải chấp toàn bộ 19 tài sản thế chấp. Sau đó, Công ty N đã thanh toán đủ số tiền thỏa thuận thành hai đợt là 47.000.000.000 đồng và 23.513.666.667 đồng (bao gồm 513.666.667 đồng tiền lãi của số tiền thanh toán đợt 2). Nguyên đơn đã hoàn tất việc giải chấp toàn bộ 19 tài sản thế chấp của bị đơn.

Ngày 28/9/2020 và ngày 21/12/2020, nguyên đơn có đơn đề nghị rút đơn khởi kiện, cụ thể rút các yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Rút yêu cầu đòi nợ thẻ tín dụng theo hai hợp đồng phát hành thẻ số 25/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010 và số 26/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010;
2. Rút yêu cầu đòi tiền nợ gốc của các Hợp đồng tín dụng là: 37.982.000.000 đồng;
3. Rút yêu cầu đòi tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng với số tiền là: 32.188.605.603 đồng;
4. Rút yêu cầu xử lý 19 tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba để đảm bảo thu hồi nợ.

Nguyên đơn có trao đổi hướng dẫn bị đơn làm đơn đề nghị xin miễn giảm số tiền lãi còn lại của các hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không chịu làm. Do đó, nguyên đơn vẫn giữ ý kiến rút các yêu cầu khởi kiện đã nêu trên và yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi còn lại của 14 Hợp đồng tín dụng tính từ thời điểm giải ngân từng khoản vay theo Bảng chiết tính lãi của bị đơn đến ngày 02/10/2019 số tiền là: 32.575.234.013 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là: 13.500.243.302 đồng; tiền lãi quá hạn là: 19.074.990.711 đồng).

Về việc Công ty N thanh toán nợ thay cho bị đơn là thỏa thuận riêng giữa hai bên, nếu giữa hai bên có phát sinh tranh chấp thì tự giải quyết với nhau bằng vụ án khác. Nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với Công ty N trong vụ án này.

Bị đơn có bà Trần Thị Lệ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà xác nhận về việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo giữa nguyên đơn với bị đơn và với

các bên thứ ba như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, sử dụng thẻ tín dụng do bị đơn gặp khó khăn trong kinh doanh, không thanh toán được tiền gốc và lãi đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện. Tổng dư nợ của bị đơn tạm tính đến ngày 03/6/2019 là: 102.607.648.104 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 37.982.000.000 đồng; nợ lãi: 44.118.288.432 đồng; nợ lãi quá hạn: 18.295.808.728 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 2.211.550.545 đồng).

Ngày 21/8/2019, Bị đơn đã gửi cho nguyên đơn văn bản số 08/2019/CV-SGP đề nghị tất toán toàn bộ khoản vay với tổng số tiền là 70.000.000.000 đồng (trong đó gốc là: 37.982.000 đồng, toàn bộ lãi là: 32.018.000.000 đồng). Công ty TNHH MTV Địa ốc S (sau đây gọi tắt là Công ty N) sẽ nộp thay tiền và khoản bảo lãnh thanh toán vô điều kiện, không huỷ ngang để tất toán thay toàn bộ khoản nợ của bị đơn.

Ngày 27/8/2019, Nguyên đơn ban hành Thông báo số 322/2019/TB-NCB về việc xử lý nợ vay theo đề nghị tất toán toàn bộ khoản vay của bị đơn.

Ngày 18/9/2019, tại trụ sở của Nguyên đơn (CN Sài Gòn) đã tiến hành ký Văn bản thỏa thuận ba bên giữa Nguyên đơn, Bị đơn và Công ty N, ghi nhận thỏa thuận Công ty N có trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tất toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của bị đơn để giải chấp toàn bộ giấy tờ của 19 tài sản thế chấp.

Sau đó, Công ty N đã thanh toán đủ số tiền và nguyên đơn đã giải chấp toàn bộ 19 tài sản thế chấp của bị đơn và của bên thứ ba theo thỏa thuận. Tuy nhiên, nguyên đơn không rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện mà chỉ rút một phần, vẫn kiện đòi bị đơn trả tiền nợ lãi còn lại của các khoản vay là không đúng với đề nghị tất toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của bị đơn đã được nguyên đơn chấp thuận.

Vì vậy, bị đơn không đồng ý trả số tiền nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là 32.575.234.013 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc Công ty N thanh toán tiền nợ thay bị đơn là thỏa thuận riêng giữa hai bên, nếu giữa hai bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Bị đơn không có yêu cầu gì đối với Công ty N giải quyết trong vụ án này.

Bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đòi Công ty cổ phần Xây dựng S thanh toán nợ của Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 25/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010 và số 26/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010; Tiền nợ gốc 37.982.000.000 đồng của 14 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ký kết từ ngày 25/01/2011 đến ngày 16/11/2011 giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần Xây dựng S; Tiền lãi là: 32.188.605.603 đồng; Yêu cầu xử lý phát mãi 19 tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế

chấp tài sản của bên thứ ba ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty cổ phần Xây dựng S, bà Trần Thị Lệ H ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị G.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đòi Công ty cổ phần Xây dựng S thanh toán nợ lãi của 14 Hợp đồng tín dụng còn lại số tiền là 32.575.234.013 đồng (*Ba mươi hai tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười ba đồng*).

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/01/2022, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (tên cũ Ngân hàng TMCP N) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày nếu nguyên đơn rút đơn kháng cáo và đơn khởi kiện thì có được hoàn trả tiền án phí sơ thẩm không. Nếu không thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần Xây dựng S thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ lãi là 32.575.234.014 đồng;

Đại diện bị đơn đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp và làm đơn đúng với hình thức và thời gian theo qui định nên hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần Xây

dụng S phải tiếp tục thanh toán nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký tổng cộng số tiền 32.575.234.014 đồng.

[2.1] Xét thấy :

[2.2] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận sau khi ba bên bàn bạc thống nhất Công ty S đã thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên là làm Văn bản số 08/2019/CV-SGP ngày 21/8/2019 gửi cho nguyên đơn (để nguyên đơn về trình lãnh đạo thông qua phương án xử lý nợ), sau khi nhận được thông báo của Công ty S thì Ngân hàng đã ban hành Thông báo số 322/2019/TB-NCB ngày 27/8/2019 về hướng xử lý nợ vay và giải chấp toàn bộ tài sản thế chấp cho bị đơn.

[2.3] Ngày 18/9/2019 các bên đã lập biên bản ký kết thỏa thuận ba bên. Theo nội dung của biên bản thì tại Điều 1 của văn bản có nội dung cụ thể đã thống nhất: *“công ty Địa ốc Nam Đô có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty S số tiền 70.000.000.000 đồng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty cổ phần Xây dựng S để giải chấp toàn bộ giấy tờ của 19 tài sản thế chấp tại NCB”*. Như vậy, nội dung thỏa thuận trên thể hiện là để giải quyết xử lý nợ xấu, tạo điều kiện cho Công ty S trả nợ nên Ngân hàng chấp nhận phương án miễn giảm lãi suất và phí cho Công ty S. Vì vậy, từ số nợ gốc và lãi ban đầu, Ngân hàng đã giảm lãi và phí của các hợp đồng tín dụng trên, do đó tổng số tiền nợ còn lại của Công ty S chỉ phải trả cho Ngân hàng một lần là 70.000.000.000 đồng, và Công ty N là bên chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty S.

[2.4] Thực hiện thỏa thuận trên Công ty N đã thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo đúng các yêu cầu của Ngân hàng, vì vậy sau khi Công ty N thanh toán xong số tiền trên thì Ngân hàng cũng đã thực hiện giải ngân tất cả các tài sản thế chấp của Công ty S.

[2.5] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận các bên đã thực hiện và hoàn tất các nghĩa vụ theo nội dung của thỏa thuận ba bên. Nên hai bên không có tranh chấp gì đến nội dung thỏa thuận này nữa. Và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét đến nội dung thỏa thuận này.

[2.6] Xét thấy, các bên cùng thống nhất không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết đến nội dung thỏa thuận ba bên và sau khi các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ theo thỏa thuận của ba bên thì không có tranh chấp gì đến nội dung này nữa. Như vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đã được các bên hoàn tất thực hiện xong và không tranh chấp gì. Nay Ngân hàng lại yêu cầu Công ty S tiếp tục trả số tiền nợ lãi mà trước đây Ngân hàng đã chấp nhận giảm cho Công ty S theo bảng chiết tính lãi là không có cơ sở xem xét. Xét thấy việc Ngân hàng thực hiện miễn giảm lãi suất và phí cho bị đơn để xử lý nợ xấu là hoàn toàn phù hợp với qui định pháp luật.

[2.7] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng qui định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ và miễn giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo qui định nội bộ của Tổ chức tín dụng là hoàn toàn phù hợp, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[2.8] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm : do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2, Khoản 4 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (tên cũ Ngân hàng TMCP N). Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản án cụ thể như sau :

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đòi Công ty cổ phần Xây dựng S thanh toán nợ của Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng số 25/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010 và số 26/HĐ/HĐSDT ngày 06/12/2010; Tiền nợ gốc 37.982.000.000 đồng của 14 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ký kết từ ngày 25/01/2011 đến ngày 16/11/2011 giữa Ngân hàng TMCP Q và Công ty cổ phần Xây dựng S; Tiền lãi là: 32.188.605.603 đồng; Yêu cầu xử lý phát mãi 19 tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với Công ty cổ phần Xây dựng S, bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị G.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đòi Công ty cổ phần Xây dựng S thanh toán nợ lãi của 14 Hợp đồng tín dụng còn lại số tiền là 32.575.234.013 đồng (*Ba mươi hai tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn không trăm mười ba đồng*).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là: 140.575.234 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng*), trừ số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Q đã nộp là 78.492.854 đồng (*Bảy mươi tám triệu bốn*

trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm bốn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2011/06517 ngày 08/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Ngân hàng TMCP Q còn phải nộp số tiền án phí còn lại là: 62.082.380 đồng (*Sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn ba trăm tám mươi đồng*).

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Q (tên cũ Ngân hàng TMCP N) phải chịu 2.000.000 (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005365 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1 ;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh